

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1329 /BCĐCCHC
V/v tiếp tục triển khai thực hiện
nhiệm vụ cải cách hành chính
năm 2024

Bình Phước, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ. Đồng thời, đảm bảo đầy đủ nội dung phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ theo Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ.

Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh):

1. Rà soát thực hiện hiệu quả, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả đúng tiến độ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ.

3. Riêng đối với các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì các lĩnh vực cải cách hành chính, gồm: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - Cơ quan thường



trực của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ theo Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ (*dự kiến cuối quý II, đầu quý III/2024*), cụ thể:

a) Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì tham mưu:

- Thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tình hình, kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; gửi nhận văn bản, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; quản lý, vận hành, khai thác Cổng dịch vụ công Quốc gia; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo; phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công; số hóa hồ sơ; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử... theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; các quyết định, chỉ thị, công điện và các văn bản khác của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 của Chính phủ.

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì tham mưu:

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh; kết quả thực hiện các nhiệm vụ các quyết định, chỉ thị, công điện và các văn bản khác của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra cải cách hành chính và chuyển đổi số theo Kế hoạch đề ra.

- Thực hiện rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy. Việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết của Quốc hội, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý biên chế công chức; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ

về đẩy mạnh phân cấp; việc triển khai Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025...

- Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật, kỷ cương công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tham mưu thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế: công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác phổ biến giáo dục pháp luật; công tác truyền thông chính sách, pháp luật về cải cách hành chính.

đ) Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì tham mưu thực hiện cải cách tài chính công: việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý đối với cơ quan Nhà nước và tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công.

e) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính quyền điện tử, chính quyền số: Việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử; chuyển đổi số theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước, triển khai Cổng dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia; triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính...

4. Giao Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị đầy đủ các nội dung điều kiện cần thiết phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 theo Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính định kỳ quý, 6 tháng và năm về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ). Riêng, các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì các lĩnh vực cải cách hành chính, gồm: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông báo cáo thêm kết quả thực hiện nhiệm

vụ được giao theo Đề cương gửi kèm Công văn.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung tại Công văn này.

(Gửi kèm: Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ và Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ)./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Như trên;
- LĐVP, PNC, KSTTHC;
- Lưu VT, (T80CV).



TRƯỞNG BAN

[Handwritten signature in blue ink]

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Tuệ Hiền



ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phục vụ
Đoàn kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ**
(Kèm theo Công văn số ~~1329~~ /BCĐCCHC ngày 11 / 4 /2024
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính (giao Sở Nội vụ chủ trì)

- Việc đôn đốc triển khai, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính. Đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai cải cách hành chính.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

- Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ (giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ (giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Về triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (giao Sở Nội vụ chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.



5. Tổng hợp, thống kê kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao từ đầu năm 2024 đến nay (giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì)

- Tổng số nhiệm vụ được giao; số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trình bày những kết quả chủ yếu đạt được trong cải cách hành chính tại địa phương từ đầu năm đến nay, trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Cải cách thể chế (giao Sở Tư pháp chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Cải cách thủ tục hành chính (giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì)

Báo cáo, thống kê các kết quả về những nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính (TTHC) theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

- Về triển khai các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC trên các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là: đất đai, thuế, hải quan, nông nghiệp, nông thôn, lao động, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch...

+ *Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện;*

+ *Thống kê: số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân;*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện đối với các nội dung về danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của địa phương; danh mục TTHC đề xuất, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa; danh mục TTHC nội bộ; phân cấp giải quyết TTHC; số hóa kết quả giải quyết TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông...

- Đánh giá, thống kê cụ thể đối với các chỉ tiêu đạt được; tỷ lệ chưa đạt được; lý do chưa đạt được; khó khăn, vướng mắc ở các nội dung sau:

+ *Cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh;*

+ *Cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa;*

+ *Cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ theo chỉ tiêu được xác định tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg.*

- Về Đề án 06¹ và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP²;
- + Đánh giá tình hình triển khai thực hiện;
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (giao Sở Nội vụ chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Cải cách chế độ công vụ (giao Sở Nội vụ chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Đồng thời báo cáo chi tiết, cụ thể về những nội dung sau:

- + Kết quả ban hành, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức;
- + Tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc;
- + Kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ và tình hình chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính của công chức, viên chức;
- + Tình hình thực hiện thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý;
- + Kết quả ban hành và thực hiện các chính sách thu hút người có tài năng vào cơ quan nhà nước.

5. Cải cách tài chính công (giao Sở Tài chính chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số (giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì)

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;

¹ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg.

² Nghị định số 104/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

+ Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

+ Triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số;

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ của cơ quan nhà nước;

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp (Vận hành Cổng dịch vụ công; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC).

III. NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu cụ thể những kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành liên quan để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

V. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (nếu có)



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

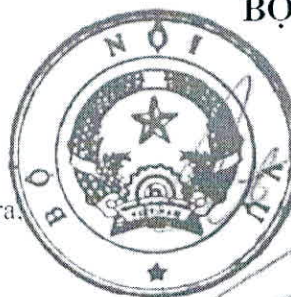
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Kế hoạch kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Các bộ, cơ quan thuộc đối tượng kiểm tra;
- UBND tỉnh, thành phố thuộc đối tượng kiểm tra;
- Sở Nội vụ tỉnh, thành phố thuộc đối tượng kiểm tra;
- Bộ Nội vụ: CCHC, TCBC, CQĐP, CCVC;
- Lưu: VT, CCHC.



BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2024 của Bộ Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 nói chung, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2024, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, công điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến cải cách hành chính trong thời gian qua; thông qua đó, làm rõ kết quả cải cách hành chính đạt được trên các lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành, địa phương; chỉ ra những mặt còn tồn tại, hạn chế; kịp thời tham mưu cho Trường Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ các biện pháp, giải pháp đề chỉ đạo, chấn chỉnh, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác cải cách hành chính trong những năm tiếp theo.

b) Phát hiện những cách làm hay, sáng tạo; ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước; tạo đột phá mới trong công tác cải cách hành chính năm 2024 và những năm tiếp theo.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyên biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

a) Việc kiểm tra bảo đảm chính xác, khách quan, không gây trở ngại đến các hoạt động của đơn vị được kiểm tra.

b) Việc kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao.

c) Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương để bảo đảm việc kiểm tra mang tính toàn diện, bám sát vào các nội dung đã được quy định.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch công tác của bộ, cơ quan, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2024 (tính đến thời điểm kiểm tra), trong đó có một số nội dung chủ yếu sau:

1. Kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; việc triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ; các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo; kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; các quyết định, chỉ thị; công điện và các văn bản khác của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

2. Công tác cải cách thể chế: Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác phổ biến giáo dục pháp luật; công tác truyền thông chính sách, pháp luật về cải cách hành chính.

3. Kiểm tra kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tình hình, kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; gửi nhận văn bản, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; quản lý, vận hành, khai thác Cổng dịch vụ Công quốc gia; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo; phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công; số hóa hồ sơ; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử... theo quy định tại các nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan.

4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy. Kiểm tra việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết của Quốc hội, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII; kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý biên chế công chức; kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp; việc triển khai Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025...

5. Kiểm tra tình hình triển khai đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật, kỷ cương công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

6. Công tác cải cách tài chính công: Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước và tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công.

7. Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Kiểm tra việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử; chuyên đổi số theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, triển khai Công Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính...

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Kiểm tra thực tế việc tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp tại một số đơn vị của bộ, ngành và địa phương (mỗi bộ, tỉnh lựa chọn từ 02 đến 03 cơ quan, đơn vị để làm việc với Đoàn kiểm tra).

2. Đoàn Kiểm tra làm việc trực tiếp với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị của bộ, tỉnh được lựa chọn kiểm tra thực tế về các nội dung:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị (theo mẫu tại Phụ lục I) và những đề xuất, kiến nghị;

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra thực tế;

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

3. Làm việc với lãnh đạo các bộ, các tỉnh được kiểm tra về các nội dung:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính của bộ, tỉnh được kiểm tra (theo mẫu tại Phụ lục I) và những đề xuất, kiến nghị;

- Lãnh đạo bộ, tỉnh báo cáo những vấn đề về triển khai công tác cải cách hành chính của bộ, tỉnh;

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

4. Trong trường hợp vì lý do khách quan mà không thể tổ chức kiểm tra thực tế tại các cơ quan, đơn vị, Trưởng các đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra qua báo cáo; kiểm tra trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

IV. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA VÀ THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

Thời gian kiểm tra cụ thể do các Trưởng đoàn chủ động bố trí. Dự kiến mỗi bộ, tỉnh được tiến hành kiểm tra trong khoảng từ 1,5 - 02 ngày (gồm: 01 ngày kiểm tra chuyên sâu ở cấp chuyên viên; 0,5 - 01 ngày kiểm tra, kết luận của Trưởng đoàn).

Đối tượng, thành phần các đoàn kiểm tra thực hiện theo Phụ lục II được ban hành kèm theo Quyết định này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Vụ Cải cách hành chính - Văn phòng Ban Chỉ đạo:

- Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đoàn kiểm tra theo nội dung kế hoạch:

- Có trách nhiệm thông báo cho các bộ và các địa phương được kiểm tra về nội dung, thời gian, địa điểm để đảm bảo cuộc kiểm tra đạt kết quả:

- Kết thúc mỗi cuộc kiểm tra, Văn phòng Ban Chỉ đạo có trách nhiệm là đầu mối thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản cho các đơn vị được kiểm tra và các đơn vị có liên quan.

b) Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ và các đơn vị ngoài Bộ Nội vụ được mời tham gia đoàn kiểm tra.

- Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động liên hệ với Vụ Cải cách hành chính cử lãnh đạo, công chức tham gia đoàn kiểm tra:

- Chuẩn bị nội dung theo các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình để làm việc với các đơn vị được kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn.

c) Đối với các bộ, ngành, địa phương được kiểm tra.

- Lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra:

- Xây dựng báo cáo theo Phụ lục I và gửi về Bộ Nội vụ trước khi kiểm tra ít nhất 05 ngày:

- Tạo điều kiện thuận lợi giúp Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra được lấy từ nguồn kinh phí cải cách hành chính năm 2024 đã được cấp của các cơ quan, đơn vị.

2. Nội dung và định mức chi

Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành./.

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
PHỤC VỤ KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2024
của Bộ Nội vụ)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

- Việc đôn đốc triển khai, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính. Đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai cải cách hành chính.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Về triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

5. Tổng hợp, thống kê kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao từ đầu năm 2024 đến nay

- Tổng số nhiệm vụ được giao; số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành; nguyên nhân.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trình bày những kết quả chủ yếu đạt được trong cải cách hành chính của bộ, ngành/địa phương từ đầu năm đến nay, trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Cải cách thể chế

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.
- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Báo cáo, thống kê các kết quả về những nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính (TTHC) theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

- Về triển khai các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC trên các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là: đất đai, thuế, hải quan, nông nghiệp, nông thôn, lao động, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch...

+ *Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện;*

+ *Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân;*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện đối với các nội dung về danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành/địa phương; danh mục TTHC đề xuất, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa; danh mục TTHC nội bộ; phân cấp giải quyết TTHC; số hóa kết quả giải quyết TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ...

- Đánh giá, thống kê cụ thể đối với các chỉ tiêu đạt được; tỷ lệ chưa đạt được; lý do chưa đạt được; khó khăn, vướng mắc ở các nội dung sau:

+ *Cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh;*

+ *Cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa;*

+ *Cắt giảm ít nhất 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ theo chỉ tiêu được xác định tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg.*

- Về Đề án 06¹ và Nghị định 104/2022/NĐ-CP²:

- + Đánh giá tình hình triển khai thực hiện;
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Đồng thời báo cáo chi tiết, cụ thể về những nội dung sau:

- + Kết quả ban hành, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức;
- + Tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc;
- + Kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ và tình hình chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính của công chức, viên chức;
- + Tình hình thực hiện thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý;
- + Kết quả ban hành và thực hiện các chính sách thu hút người có tài năng vào cơ quan nhà nước.

5. Cải cách tài chính công

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:
- + Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;
- + Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện:

¹ Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg.

² Nghị định số 104/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

+ *Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân;*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

+ *Triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số;*

+ *Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ của cơ quan nhà nước;*

+ *Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp (Vận hành Cổng dịch vụ công; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC).*

III. NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu cụ thể những kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

V. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (nếu có)

Phụ lục II
KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-BNV
ngày tháng năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Thành viên Ban Chỉ đạo	Đơn vị được kiểm tra	Nội dung kiểm tra
1	Trưởng đoàn: Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ. Thành viên: - Bộ Nội vụ; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Thông tin và Truyền thông; - Bộ Tư pháp; - Bộ Tài chính; - Bộ Công an; - Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	- Bộ, ngành: Do Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng ban chỉ đạo quyết định. - Các tỉnh, thành phố: Điện Biên, Hà Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Đồng Nai, Bình Phước, Tiền Giang và các tỉnh, thành phố khác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban chỉ đạo quyết định.	- Kiểm tra tình hình, kết quả triển khai nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. - Kiểm tra tổng hợp các nội dung cải cách hành chính.
2	Trưởng đoàn: Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Thành viên: - Bộ Nội vụ; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Thông tin và Truyền thông; - Bộ Tư pháp; - Bộ Tài chính; - Bộ Công an; - Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	- Bộ, ngành: Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành khác do Thứ trưởng Bộ Nội vụ quyết định. - Các tỉnh, thành phố: Hòa Bình, Đắk Nông và các tỉnh, thành phố khác do Thứ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.	- Kiểm tra tình hình, kết quả triển khai nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. - Kiểm tra tổng hợp các nội dung cải cách hành chính.

BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/QĐ-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, BCĐCCHC (2). NTQ 437

TRƯỞNG BAN

THỦ TƯỚNG
Phạm Minh Chính

KẾ HOẠCH

Hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18 tháng 3 năm 2024 của
Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo), tạo đột phá trong cải cách hành chính năm 2024. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện, chất lượng, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Gắn kết công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương với cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

c) Thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần bảo đảm thực hiện có chất lượng những nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính một cách hiệu quả.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính trên cả 06 lĩnh vực với trọng tâm, trọng điểm như sau:

- Về thể chế, tập trung tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho sản xuất, kinh doanh.
- Về cải cách thủ tục hành chính, tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, giảm chi phí đầu vào, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

- Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, tập trung xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao năng lực thực thi của cán bộ, công chức, viên chức.

- Về cải cách chế độ công vụ, tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường văn hóa công sở, xây dựng đạo đức công vụ, tăng cường trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ đối với người dân và doanh nghiệp.

- Về cải cách tài chính công, tập trung tăng cường các biện pháp tăng thu, giảm chi thường xuyên, cơ cấu lại, tăng chi cho đầu tư phát triển, chống tiêu cực, tham nhũng trong việc sử dụng tài chính công.

- Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, công dân số, đặc biệt là tập trung triển khai Đề án số 06.

c) Xác định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Thành viên Ban Chỉ đạo cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan
2.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
3.	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2024	Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.	Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, tăng cường nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính; định kỳ thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.	Năm 2024	Các thành viên Ban Chỉ đạo; các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan có liên quan
5.	Tổng hợp, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
6.	Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Quý II năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương

B. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG

1.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
2.	Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và địa phương
3.	Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường nguồn lực và kinh phí cho công tác tư pháp.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
4.	Rà soát, sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
5.	Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ pháp lý thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
6.	Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
7.	Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực được xác định là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024, phù hợp với nhiệm vụ chung của cả giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất các giải pháp nhằm nâng cao điểm số và nâng xếp hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
8.	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, địa phương mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
9.	Nghiên cứu, xây dựng chế độ, chính sách đặc thù cho người làm công tác thể chế.	Năm 2024	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương
II. VỀ CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1.	Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa	Năm 2024	- Các bộ, ngành, địa phương; - Các bộ được giao đầu mối	Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024.		tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	
2.	Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa các QĐKD đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, trong đó tập trung ưu tiên rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh.	Tháng 5 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ
3.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tháng 6 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành
4.	Chủ động nghiên cứu, rà soát, kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.	Trước tháng 6 năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5.	Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn; bãi bỏ các loại chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ trùng lặp về nội dung.	Quý II năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6.	Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ
7.	Tổ chức thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024 và theo tiến độ được phê duyệt	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ
8.	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước theo Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024 và theo tiến độ phê duyệt	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
9.	Cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết quả rà soát, chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa; thực hiện tham vấn các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động về chính sách, quy định; tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.	Năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ
10.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp.	Tháng 3 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành
11.	Rà soát, điều chỉnh, thống nhất phương án đơn giản hóa, lộ trình xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018, bảo đảm phù hợp với hiện trạng kết nối, quản lý, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư trong năm 2024.	Quý I năm 2024	Các bộ, cơ quan	Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật
12.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
13.	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ
14.	Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
III. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
1.	Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
2.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ, các địa phương
3.	Quyết định phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.	Trước 31 tháng 3 năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
4.	Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ
5.	Thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính không đủ tiêu chuẩn, hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.	Quý III năm 2024	Các địa phương	Bộ Nội vụ
6.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương
IV. VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1.	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
2.	Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023,	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023.			
3.	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, chất lượng thực thi công vụ và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
4.	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
5.	Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
6.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	Tháng 10 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	Tháng 3 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
V. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1.	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.	Năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Tài chính
2.	Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Quý I năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan
3.	Xây dựng Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây	Theo Kế hoạch được	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ,

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị máy móc bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	phê duyệt		ngành, cơ quan có liên quan
VI. VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
1.	Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
2.	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số; Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
3.	Triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
4.	Triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
5.	Xây dựng và ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.	Tháng 11 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan
6.	Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030".	Tháng 6 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan
7.	Triển khai hiệu quả cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ
8.	Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN.	Năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
9.	Tiếp tục thực hiện việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ
10.	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ
11.	Tiếp tục tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.	Năm 2024	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương
12.	Thúc đẩy triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương
13.	Tiếp tục xác thực đồng bộ dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm sạch dữ liệu và kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành
14.	Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được phê duyệt; đẩy	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.			thông, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan
15.	Xây dựng Khung Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.	Năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
16.	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về 02 dịch vụ công liên thông "Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí".	Tháng 4 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
17.	Tổ chức triển khai Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024.	Theo lộ trình được phê duyệt trong Quyết định	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Văn phòng Chính phủ
18.	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.	Năm 2024	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
19.	Tiếp tục duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; mở rộng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động nội bộ; từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 diện tử.	Năm 2024	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm:

- Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, kịp thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Phối hợp với Bộ Tài chính để lập và phân bổ kinh phí hoạt động năm 2024 của cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm:

- Chủ động chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của bộ, ngành mình.

- Trên cơ sở kế hoạch của Ban Chỉ đạo, cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ được phân công.

- Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

- Báo cáo định kỳ (06 tháng và năm) kết quả công tác cải cách hành chính theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công. Báo cáo của các thành viên Ban Chỉ đạo lồng ghép vào Báo cáo cải cách hành chính định kỳ của bộ, cơ quan theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chủ động đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo và Bộ Nội vụ về những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan cần có sự phối hợp, đôn đốc từ Ban Chỉ đạo; tích cực đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính.